

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 24/04/2022

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	26/4/1999	Nghệ An	7.7	9.0	779/QĐ150/2022	TH003519	
2	Phạm Văn Anh	Nam	02/01/1984	Hà Tĩnh	7.3	9.0	780/QĐ150/2022	TH003535	
3	Nguyễn Viết Cường	Nam	26/9/2004	Nghệ An	5.7	6.5	781/QĐ150/2022	TH003520	
4	Xông Bá Địa	Nam	19/8/1991	Nghệ An	7.0	8.0	782/QĐ150/2022	TH003521	
5	Dặng Xuân Dũng	Nam	03/9/1998	Nghệ An	6.0	8.5	783/QĐ150/2022	TH003522	
6	Phạm Nguyên Hân	Nam	24/8/1996	Nghệ An	7.7	8.5	784/QĐ150/2022	TH003523	
7	Tổng Nguyên Hồng	Nam	30/01/1995	Hà Tĩnh	7.3	8.5	785/QĐ150/2022	TH003524	
8	Phan Thị Hồng	Nữ	13/4/1986	Nghệ An	6.3	8.5	786/QĐ150/2022	TH003525	
9	Lê Thị Thu Huyền	Nữ	16/01/1998	Quảng Trị	7.3	9.0	787/QĐ150/2022	TH003526	
10	Lương Nhật Minh	Nam	10/12/1998	Quảng Ninh	7.3	8.0	788/QĐ150/2022	TH003527	
11	Thò Bá Ngọc	Nam	15/4/2000	Nghệ An	6.3	6.0	789/QĐ150/2022	TH003528	
12	Trần Thị Phụng	Nữ	20/11/1997	Nghệ An	6.3	8.0	790/QĐ150/2022	TH003529	
13	Nguyễn Đình Quân	Nam	07/12/2004	Nghệ An	5.7	5.0	791/QĐ150/2022	TH003530	
14	Trương Văn Quân	Nam	02/4/2004	Nghệ An	6.0	6.5	792/QĐ150/2022	TH003531	
15	Nguyễn Ngọc Quyền	Nam	30/5/2004	Nghệ An	5.7	6.5	793/QĐ150/2022	TH003532	
16	Quang Trung Thành	Nam	27/5/1990	Nghệ An	6.3	7.0	794/QĐ150/2022	TH003533	
17	Nguyễn Thu Trang	Nữ	27/9/1997	Nghệ An	7.0	7.5	795/QĐ150/2022	TH003534	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			

